TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2017/QĐST-DS	*B, ngày 25 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 /7/2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 59/2017/TLST-DS ngày 02/6/2017.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17/7/2017 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 198X.

Trú quán: Thôn KT, xã VL, huyện TY, tỉnh B.

**** Bị đơn***: Chị Chu Thị H, sinh năm 1989.

Trú quán: Số nhà X, Km số Y, xã S, thành phố B, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Chu Thị H cam kết có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 100.000.000đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn) theo giấy biên nhận vay tiền ngày 20/6/2014 theo phương án sau:

-Ngày 29/7/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 29/8/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2017 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 28/02/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/3/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/4/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 29/5/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/6/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/7/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/8/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2018 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 28/02/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/3/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/4/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/5/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/6/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/7/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/8/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2019 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 28/02/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/03/2020
trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/4/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/5/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/6/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/7/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/8/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2020 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 28/02/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/03/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/4/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 29/5/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/6/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/7/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/8/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2021 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 28/02/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/03/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/4/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/5/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/6/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/7/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/8/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/9/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/10/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/11/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/12/2022 trả 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).
- Ngày 29/01/2023 trả 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và tất toán toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp một trong các bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng một trong những cam kết đã thỏa thuận trên đây thì bên có quyền được yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2 Về án phí: Các bên thỏa thuận

- Chị Chu Thị H chịu 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn P chịu 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0001297 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P số tiền 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí. Xác nhận anh Nguyễn Văn P đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hà